

## **BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Số hiệu gói thầu: DVN-VT-0878/25-KT-DA-TTH**

**Tên gói thầu: Vật tư Tự động hóa cho FPSO Armada TGT1 MSR: 5298**

**Tên dự án / Kế hoạch mua sắm: Vận hành FPSO cho Hoàng Long JOC năm 2025**

**Phát hành ngày: 31 / 03 /2025**

**Ban hành kèm theo Quyết định: 0256/YCBG/TM phê duyệt ngày 31 / 03 /2025**

e-TBMT với số hiệu: IB2500121539-00



# Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

## Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư/ bên mời thầu là: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro do Xí nghiệp Khai thác Dầu khí được ủy quyền (sau đây gọi tắt là XNKTK).
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu “**Vật tư Tự động hóa cho FPSO Armada TGT1 MSR: 5298**” (Số hiệu gói thầu: **DVN-VT-0878/25-KT-DA-TTH**) thuộc Kế hoạch mua sắm Vận hành FPSO cho Hoàng Long JOC năm 2025.  
Phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá kỹ thuật của gói thầu nêu tại **Chương IV** (bao gồm 05 trang) của bản Yêu cầu báo giá (viết tắt là YCBG) này.
3. Loại hợp đồng: trọn gói.
4. Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): Tháng 04/2025.

## Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Chủ đầu tư.
6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
7. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

## Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo mẫu số 01 và mẫu số 02 Chương II của YCBG.
2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.
3. Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau:
  - Nhà thầu phải chào giá hàng hóa theo điều kiện giao hàng tại kho XNKTKDK, trong đó bao gồm giá hàng hóa, chi phí kiểm tra, đóng gói hàng hóa, chi phí cần thiết để có các loại chứng chỉ theo yêu cầu, chi phí thử nghiệm tại nhà máy sản xuất, chi phí vận chuyển đến kho XNKTKDK, phí bảo hiểm hàng hóa v.v.
  - Trong bảng chào giá phải liệt kê đầy đủ tất cả các loại thuế và phí theo quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện gói thầu. Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.
  - Chào đầy đủ tất cả các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.



Giá trị thuế GTGT được thanh toán theo Luật thuế GTGT hiện hành và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước về thuế GTGT (nếu có). Tổng giá trị hợp đồng có thể thay đổi phần giá trị thuế GTGT khi thuế suất thuế GTGT thay đổi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Mục 4. Thành phần Hồ sơ báo giá**

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương II;
  2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương II;
  3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu nêu tại Mục 2 nêu trên;
  4. Quy cách bộ HSBG:
- + Hồ sơ thương mại gồm: Danh mục tài liệu (ghi rõ tổng số trang); đơn chào hàng; Giấy ủy quyền (nếu có); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Bảng chi tiết chào giá; các nội dung thương mại liên quan (nếu có).
- + Hồ sơ kỹ thuật gồm: Danh mục tài liệu (ghi rõ tổng số trang); đơn chào hàng (không ghi giá); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Bảng giá chào kỹ thuật của hàng hóa (không ghi giá); các nội dung kỹ thuật liên quan: tài liệu kỹ thuật,.... các tài liệu khác (nếu có).

#### **Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá**

Thời gian có hiệu lực của báo giá là: **60 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

**Mục 6: Bảo đảm dự thầu:** Không nêu yêu cầu về Bảo đảm dự thầu.

#### **Mục 7: Phát hành bản YCBG:**

Bên mời thầu gửi trực tiếp bản YCBG cho các nhà thầu có tên trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt. Bản yêu cầu báo giá được phát hành miễn phí theo hình thức gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện, thư điện tử (email) hoặc bằng fax.

#### **Mục 8. Làm rõ/ Sửa đổi bản yêu cầu báo giá**

Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ bản YCBG đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Việc sửa đổi YCBG được thực hiện sau khi có phê duyệt nội dung sửa đổi YCBG của người có thẩm quyền. Việc sửa đổi YCBG được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi YCBG.

Văn bản sửa đổi YCBG được coi là một phần của YCBG và phải được thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận YCBG từ Bên mời thầu.

Việc sửa đổi YCBG trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu là đã nhận được tài liệu sửa đổi đó bằng một trong các cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

#### **Mục 9. Nộp, tiếp nhận các hồ sơ báo giá của nhà thầu**

1. Nhà thầu phải nộp hồ sơ báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện vào địa chỉ: Phòng Thương mại, Tầng 4, tòa nhà văn phòng làm việc của XNKT, số 15 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu hoặc gửi thư điện tử (email): huend.pt@vietsov.com.vn, cc tampv.pt@vietsov.com.vn. Thời hạn nộp hồ sơ báo giá nộp không muộn hơn **09 giờ 00 phút, ngày 04 / 04 /2025**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.
2. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập Văn bản tiếp nhận các báo giá. Văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm các nội dung cơ bản sau: Tên đầy đủ của gói thầu; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm mở thầu; tên nhà thầu; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ;



giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu; giá trị giảm giá (nếu có); thời gian có hiệu lực của HSBG; các thông tin khác liên quan.

3. Sau khi tiếp nhận HSBG, chuyên gia Phòng thực hiện trong Tổ chuyên gia chịu trách nhiệm bảo quản HSBG đồng thời gửi bản chụp Văn bản tiếp nhận cho các nhà thầu tham dự (nếu có yêu cầu).

#### **Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Báo giá được xác định đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá và có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất và không vượt giá gói thầu sẽ được đề nghị lựa chọn.

#### **Mục 11. Thương thảo hợp đồng:** Không áp dụng

#### **Mục 12. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu**

Bên mời thầu trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thực hiện làm thủ tục thông báo bằng văn bản kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu trúng thầu; và thông báo cho các nhà thầu không trúng thầu nếu được yêu cầu.

#### **Mục 13. Giải quyết kiến nghị**

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.

- Người có thẩm quyền: Ông **Nguyễn Quốc Dũng** - Giám đốc Xí nghiệp Khai Thác Dầu Khí thuộc Liên doanh Việt - Nga Vietsovet

+ Địa chỉ: 15 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu

+ Điện thoại: 0254 - 3839871; Ext: 5608/ 5743 / Fax: 0254-3857499

+ Email: dungnq.rd@vietsov.com.vn

- Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Không áp dụng

- Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Không áp dụng



**ĐƠN CHÀO HÀNG**

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Lưu ý:

- Trong trường hợp giảm giá nhà thầu lưu ý mục 3 Chương I của YCBG.
- Trong trường hợp người ký đơn chào hàng không phải là đại diện theo pháp luật của nhà thầu thì phải kèm theo giấy ủy quyền.
- Nhà thầu kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.



**BIỂU GIÁ CHÀO THẦU**

Cung cấp ..... theo gói thầu số .....

của Xí nghiệp Khai thác Dầu khí

(ĐV tiền tệ: Đồng Việt Nam)

Số TT	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật, ký mã hiệu nhãn mác sản phẩm	NSX - Xuất xứ	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=5x6)
1	.....	.....	.....	...	.....	.....
Tổng cộng giá trị hàng hóa (chưa bao gồm thuế GTGT, đã bao gồm các loại thuế phí lệ phí khác (nếu có))						.....
Tiền thuế GTGT tạm tính (... %)						.....
Tổng cộng giá trị hàng hóa (đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế phí lệ phí khác (nếu có))						.....

Bảng chữ: .....

**Điều khoản cơ bản:**

- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng, được sản xuất năm .....
- Số lần, thời gian và địa điểm giao hàng: .....
- Thời hạn bảo hành: ..... kể từ ngày kể từ ngày ký biên bản giao nhận hàng.
- Các chứng chỉ khi giao hàng: .....
- Thanh toán 01 lần trong vòng 30 ngày làm việc khi nhà thầu giao đủ bộ chứng từ hợp lệ.

(Lưu ý: Nhà thầu sử dụng mẫu bảng chào nêu trên cho bảng đề xuất kỹ thuật của hàng hóa (trừ các cột (6), (7) để Bên mời thầu có cơ sở đánh giá kỹ thuật cùng các tài liệu kỹ thuật khác.)

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Nhà thầu chào thầu phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, không ghi “trương đương, phải chào rõ hàng hóa, nhà sản xuất và xuất xứ để Bên mời thầu có cơ sở đánh giá kỹ thuật, khi chào giá nhà thầu phải làm tròn số học, không lẻ số thập phân.

- Nhà thầu phải chào giá hàng hóa theo điều kiện giao hàng tại kho XNKTDK, trong đó bao gồm giá hàng hóa, chi phí kiểm tra, đóng gói hàng hóa, chi phí cần thiết để có các loại chứng chỉ theo yêu cầu, chi phí thử nghiệm tại nhà máy sản xuất, chi phí vận chuyển đến kho của XNKT, phí bảo hiểm hàng hóa v.v.

- Trong bảng chào giá phải liệt kê đầy đủ tất cả các loại thuế và phí theo quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện gói thầu. Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Giá trị thuế GTGT được thanh toán theo Luật thuế GTGT hiện hành và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước về thuế GTGT (nếu có). Tổng giá trị hợp đồng có thể thay đổi phân giá trị thuế GTGT khi thuế suất thuế GTGT thay đổi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chào đầy đủ tất cả các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.



### Chương III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

#### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

#### HỢP ĐỒNG SỐ .../25-KT-FPSO/..... (dự thảo)

V/v Thuê dịch vụ “**Vật tư Tự động hóa cho FPSO Armada TGT1 MSR: 5298**” (Đơn hàng số **DVN-VT-0878/25-KT-DA-TTH**)

Căn cứ vào nhu cầu của Xí nghiệp Khai thác Dầu khí thuộc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro và khả năng cung cấp của Công ty .....

Hôm nay, ngày      tháng      năm 2025, chúng tôi đại diện cho các Bên ký Hợp đồng này gồm có:

**BÊN A:                    LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO**

Địa chỉ:                105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại:            0254 3839871 / Fax: 0254 3857499

Tài khoản số:        008.100.000001.1 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Vũng Tàu

Mã số thuế:            3500102414

Do Ông:                **NGUYỄN QUỐC DŨNG**, Giám đốc Xí nghiệp Khai thác Dầu khí thuộc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro làm đại diện theo Giấy ủy quyền số 561/UQ-PL, ngày 31/12/2024 của Tổng giám đốc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro.

**BÊN B:** \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại/ fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng này với các điều khoản như sau:

#### ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán “**Vật tư Tự động hóa cho FPSO Armada TGT1 MSR: 5298**” (sau đây gọi tắt là “hàng” hoặc “hàng hóa”) với chủng loại, số lượng, đặc điểm kỹ thuật, đơn giá, giá trị hàng hóa theo danh mục cụ thể như sau:

Số TT	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật, ký mã hiệu nhãn mác sản phẩm	NSX, Xuất xứ	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	.....	.....	...	...	.....	.....
<b>Tổng cộng giá trị Hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT)</b>						.....
<b>Tiền thuế GTGT tạm tính (...%)</b>						.....
<b>Tổng cộng giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT)</b>						.....

1.2. Hàng hóa của Hợp đồng này được Bên A sử dụng phục vụ sử dụng phục vụ cho dịch vụ vận hành & bảo dưỡng FPSO cho Hoàng Long JOC năm 2025.

#### ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG



- 2.1. Tổng giá trị Hợp đồng theo điều kiện giao hàng tại kho của Bên A (đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế, phí khác (nếu có)) là: ..... VNĐ (Bằng chữ: .....), trong đó:
- Giá trị hàng hóa: ..... VNĐ.
  - Giá trị thuế GTGT tạm tính: ..... VNĐ.
- Giá trị thuế GTGT được thanh toán theo Luật thuế GTGT hiện hành và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước về thuế GTGT (nếu có). Tổng giá trị hợp đồng có thể thay đổi phần giá trị thuế GTGT khi thuế suất thuế GTGT thay đổi theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- 2.2. Đơn giá nêu trên là giá cố định và không thay đổi trong suốt thời gian Hợp đồng có hiệu lực. Tổng giá trị Hợp đồng được tính trên cơ sở giao hàng tại kho của Bên A tại Thành phố Vũng Tàu, bao gồm giá trị hàng hóa, thuế GTGT và các loại phí, lệ phí do Bên B chi trả như phí vận chuyên, đóng gói, bốc xếp, bảo hành, giám định hàng hóa trước khi gửi hàng (nếu có), ... và tất cả các chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 3: QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA**

- 3.1. Quy cách, số lượng, chất lượng, chủng loại, ký mã hiệu, hãng sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất và những thông số khác của hàng hóa do Bên B cung cấp phải phù hợp với qui định được nêu tại Điều 1 và Điều 3 của Hợp đồng này. Hàng hóa phải chính hãng, mới 100%, chưa qua sử dụng và trong tình trạng sử dụng tốt, được sản xuất không trước **năm 2024**.
- 3.2. Hồ sơ kèm theo hàng hóa gồm:
- Hóa đơn điện tử thuế GTGT của hàng hóa;
  - Cam kết bảo hành 12 tháng kể từ ngày giao hàng của nhà cung cấp cấp: Bản gốc.
  - ... {Các chứng chỉ khác phù hợp với yêu cầu kỹ thuật}
- Hồ sơ mời thầu của Bên A và Hồ sơ dự thầu của Bên B cho gói thầu là tài liệu tham chiếu về kỹ thuật cho hàng hóa của Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 4: GIAO NHẬN VÀ KIỂM TRA, GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA**

- 4.1 Hàng hóa được giao phải phù hợp với yêu cầu theo quy định tại Điều 1 và Điều 3 của Hợp đồng này trong vòng **14 ngày** kể từ ngày ký Hợp đồng đến ngày giao nhận hàng tại kho của Bên A. Ngày giao nhận hàng của Hợp đồng này được ghi trong Biên bản giao nhận hàng do đại diện hai Bên ký xác nhận theo qui định tại Điều 4.6 dưới đây. Hàng hóa chỉ được tiến hành kiểm tra và giao nhận khi có đầy đủ các hồ sơ theo quy định tại Điều 3.2 nêu trên. Mọi chi phí phát sinh do việc giao chậm, giao không đầy đủ các hồ sơ này sẽ do Bên B chi trả.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên B gặp khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc cung cấp hàng thì Bên B cần khẩn trương thông báo bằng văn bản cho Bên A biết để hai Bên phối hợp xem xét xử lý nhằm đảm bảo việc cung cấp hàng hóa cho Bên A theo đúng chất lượng và tiến độ của Hợp đồng.
- 4.2 Hàng hóa và chứng từ được giao **01 lần** vào kho của Bên A tại 17 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu. Bên B cam kết giao hàng và hồ sơ kèm theo hàng hóa đúng số lần theo quy định của Hợp đồng này. Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu Bên B giao hàng và các hồ sơ, chứng từ không đúng quy định của Hợp đồng.
- 4.3 Bên A, bằng phương tiện, nhân lực và chi phí của mình, đảm nhận việc dỡ hàng từ phương tiện của Bên B và đưa vào kho của của mình.
- 4.4 Trong vòng tối thiểu ba (03) ngày trước khi giao hàng, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết về số lượng, quy cách đóng gói hàng hóa để Bên A bố trí nhân lực và phương tiện bốc dỡ. Nội dung của thông báo giao hàng và chứng từ theo quy định tại Phụ lục số 03 của Hợp đồng này và phải nêu rõ:
- *Số Hợp đồng dẫn chiếu,*
  - *Loại hàng hóa giao, bao gồm số lượng, khối lượng và quy cách đóng gói hàng hóa, quy trình*



*bóc dỡ hàng hóa (khi cần thiết);*

- *Những hướng dẫn đặc biệt cần lưu ý để Bên A biết khi bóc dỡ,*
- *Thông tin về nhân viên giao hàng của Bên B (Họ tên, số điện thoại liên hệ...)*

Văn bản thông báo được gửi theo cách thức theo quy định tại Điều 12.1 của Hợp đồng này.

- 4.5 Người của Bên B đến giao hàng phải có giấy giới thiệu của người ký Hợp đồng của Bên B và phải tuân thủ đầy đủ các quy định của Bên A về ra vào công, an toàn, cháy nổ, vệ sinh môi trường.
- 4.6 Đại diện của Bên A và đại diện của Bên B tham gia giao nhận, kiểm tra hàng hóa của Hợp đồng này và lập Biên bản giao nhận hàng theo quy định tại Phụ lục số 01 của Hợp đồng này, trong đó ghi rõ số lượng, tình trạng, các hồ sơ giao kèm theo hàng hóa. Ngày giao nhận hàng là ngày Bên B giao đầy đủ hàng hóa và các chứng từ vào kho của Bên A. Biên bản này do Bên A lập và trình Lãnh đạo của Bên A phê duyệt. Biên bản giao nhận hàng là căn cứ để Bên A thanh toán cho Bên B.
- 4.7 Trong trường hợp cần thiết, bằng chi phí của mình, Bên A có quyền trưng cầu cơ quan giám định độc lập tham gia giám định hàng hóa. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi kết thúc giám định, cơ quan giám định độc lập cung cấp Chứng thư giám định tình trạng và số lượng hàng hóa. Chứng thư giám định hàng hóa là căn cứ pháp lý để Bên A khiếu nại Bên B.

#### **ĐIỀU 5: BAO BÌ, ĐÓNG GÓI VÀ KÝ MÃ HIỆU:**

- 5.1 Hàng hoá giao theo Hợp đồng này phải được đóng trong bao bì thích hợp theo tiêu chuẩn xuất khẩu, bảo đảm cho hàng hoá không bị hư hại, ăn mòn trong quá trình vận chuyển và thuận tiện cho việc bóc xếp, bóc dỡ.
- 5.2 Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp hàng hoá bị mất mát, hư hỏng do thiếu sót trong việc đóng gói hàng hoá.
- 5.3 Hàng hoá có thể được ghi rõ ràng bằng sơn không xóa được trên bề mặt hoặc in trên tấm ghi nhãn dính trên từng kiện với các thông tin sau bằng tiếng Anh và hoặc tiếng Việt:
  - *Tên nhà sản xuất.*
  - *Tên hàng.*
  - *Khối lượng (nếu có).*
  - *Số Hợp đồng (nếu có).*
- 5.4 Bên B chịu toàn bộ chi phí đối với mọi mất mát, hư hại của hàng hoá trong quá trình bóc xếp, bóc dỡ, vận chuyển do bao bì, đóng gói, ký mã hiệu không đúng, không đầy đủ cũng như chịu mọi chi phí vận chuyển, bảo quản, mất mát, ... phát sinh do hàng hóa bị gửi nhầm địa chỉ.

#### **ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- 6.1 Nếu Bên B giao bất kỳ mục hàng nào bị chậm thì Bên B phải chịu phạt 0,2%/ngày cho 10 ngày lịch chậm đầu tiên, phạt 0,3%/ngày cho những ngày lịch chậm tiếp theo trên tổng giá trị của Hợp đồng cho đến mức tổng số tiền phạt không quá 08% tổng giá trị của Hợp đồng.
- 6.2 Nếu Bên B không giao đủ số lượng, chủng loại hàng hóa theo quy định ở Điều 1 của Hợp đồng này thì Bên B vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng này và phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% tổng giá trị của Hợp đồng.

Nếu bên B giao hàng quy định tại Điều 1.1 của Hợp đồng theo nhiều lần giao hàng thì thời gian giao nhận hàng được tính là thời gian giao hàng theo lần giao cuối cùng.
- 6.3 Nếu Bên B giao hàng chậm quá sáu mươi (60) ngày lịch so với thời gian quy định tại Điều 4.1 của Hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% tổng giá trị của Hợp đồng.
- 6.4 Trong trường hợp Bên B không giao/giao thiếu bất kỳ một mục hàng nào thì Bên B phải



chịu phạt với mức 08% tổng trị của Hợp đồng và khi đó tùy thuộc vào quyết định của mình, Bên A có quyền nhận hoặc từ chối nhận các mục hàng còn lại.

- 6.5 Nếu Bên B giao hàng không đảm bảo chất lượng theo qui định tại Điều 3 của Hợp đồng thì Bên A sẽ không nhận hàng và phạt Bên B theo mức phạt không giao đủ hàng như quy định tại Điều 6.2 của Hợp đồng này. Bên A có quyền chấp nhận/ không chấp nhận việc Bên B sẽ cung cấp hàng mới thay thế cho hàng không đảm bảo chất lượng nêu trên.
- 6.6 Vi phạm do cung cấp chậm hoặc cung cấp không đủ hàng hoá:  
Nếu Bên B giao hàng chậm toàn bộ hoặc một phần hàng hóa quá 60 ngày lịch so với thời gian quy định tại Điều 4.1 của Hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A tùy thuộc vào quyết định của mình và không bị ràng buộc bởi quy định tại Điều 6.2, có quyền:
- Chỉ định bên thứ ba có khả năng cung cấp hàng hóa. Trong trường hợp đó Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng với bên được chỉ định để tiếp tục thực hiện công việc cung cấp cho Bên A; hoặc
  - Trực tiếp ký hợp đồng mua hàng/hàng hoá kèm dịch vụ của bên thứ ba để tiếp tục thực hiện công việc của Hợp đồng. Trong trường hợp đó Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có; hoặc
  - Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% tổng giá trị của phần Hợp đồng bị vi phạm.
- 6.7. Tổng giá trị các loại phạt không vượt quá 08% tổng giá trị của Hợp đồng.
- 6.8. Giá trị để tính phạt vi phạm Hợp đồng ghi ở Điều 6 của Hợp đồng này là giá trị không bao gồm thuế GTGT và đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí khác (nếu có).
- 6.9. Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền:
- Khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A phải thanh toán cho Bên B tại Hợp đồng này hoặc theo các hợp đồng khác được ký kết giữa hai Bên;
  - Yêu cầu Ngân hàng cấp Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng thanh toán ngay khoản tiền Bên B mở bảo đảm cho Bên A;
  - Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán. Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.
- 6.10. Việc bồi thường thiệt hại (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

## **ĐIỀU 7: BẢO HÀNH**

- 7.1 Bên B chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng của hàng hóa trong thời hạn **12 tháng** kể từ ngày giao nhận hàng hóa theo Hợp đồng này. Điều kiện bảo hành theo đúng tiêu chuẩn bảo hành của nhà sản xuất.
- 7.2 Trong thời gian bảo hành nếu Bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa thì Bên A sẽ thông báo kịp thời bằng fax/email cho Bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh sai sót về chất lượng phải được Bên B tiến hành không chậm quá 15 ngày lịch kể từ ngày Bên B nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ kết luận về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm thay thế hàng mới hay sửa chữa các hư hỏng đó thuộc về Bên nào và thời hạn thay thế hoặc sửa chữa để làm căn cứ pháp lý trong thực hiện Hợp đồng này.
- 7.3 Tùy mức độ hư hỏng, nhưng không quá 15 ngày lịch kể từ ngày có kết luận về nguyên nhân hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa do lỗi của Bên B thì Bên B phải tiến hành khắc phục/ sửa chữa các sai sót về chất lượng hoặc đổi lại hàng mới cho Bên A.
- 7.4 Trong thời hạn 07 ngày lịch kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A, nếu Bên B không trả lời thì coi như đã chấp nhận có sai sót về chất lượng hàng do lỗi của mình và có trách nhiệm



phải khắc phục/sửa chữa các sai sót đó hoặc đổi lại hàng mới ngay trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

- 7.5 Nếu Bên B tiến hành sửa chữa/khắc phục hoặc đổi lại hàng mới bị chậm so với thời hạn qui định tại các Điều 7.3 và 7.4 của Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt theo mức phạt giao hàng chậm như quy định tại Điều 6.1 của Hợp đồng này.
- 7.6 Trong thời hạn quy định trên tại Điều 7 của Hợp đồng này, nếu Bên B không tiến hành khắc phục/ sửa chữa các sai sót về chất lượng do lỗi của mình hoặc đổi lại hàng mới thì Bên A có quyền tiến hành khắc phục/ sửa chữa và/hoặc thay mới và Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ chi phí khắc phục/sửa chữa/thay mới này, đồng thời phải chịu phạt 08% giá trị của mặt hàng này. Cách thức Bên A thu hồi tiền phạt từ Bên B được thực hiện theo quy định tại Điều 6.9 của Hợp đồng này.
- 7.7 Hàng hóa sau khi được Bên B sửa chữa/khắc phục/ thay mới trong thời kỳ bảo hành sẽ được Bên B bảo hành lại 12 tháng kể từ ngày giao nhận hàng hóa đã sửa chữa/khắc phục/ thay mới với nội dung giao nhận theo quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 8: THANH TOÁN**

- 8.1. Bên A thanh toán cho Bên B một (01) lần cho toàn bộ các hóa đơn hàng hóa đã giao phù hợp với các Điều khoản của Hợp đồng bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ gồm:
  - 1) Công văn đề nghị thanh toán của Bên B: 01 Bản gốc (Nơi nhận: Xí nghiệp Khai thác Dầu khí, Số 15 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu),
  - 2) Hóa đơn điện tử thuế GTGT ghi theo từng loại thuế suất thuế GTGT phù hợp với qui định hiện hành của Nhà nước, trong hóa đơn ghi đầy đủ thông tin của Bên A như sau:
    - + Họ tên người mua hàng: **Xí nghiệp Khai thác Dầu khí**
    - + Tên đơn vị: **Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro**
    - + Mã số thuế: 3500102414
    - + Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*Dấu mộc (treo) của Bên B; Không được tẩy xóa, sửa chữa hoặc viết tắt.*

Theo qui định của cơ quan thuế hóa đơn điện tử cần có các thông tin sau:

    - + Địa chỉ website để truy cập, tra cứu và mã tra cứu.
    - + Thông tin về đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử cho Bên B.
  - 3) Thông báo của cơ quan thuế về việc chấp nhận đăng ký hóa đơn điện tử;
  - 4) Biên bản giao nhận hàng hóa: 01 Bản gốc (theo quy định tại Điều 4.6 của Hợp đồng này);
  - 5) Chứng thư giám định (nếu có theo qui định tại Điều 4.7 của Hợp đồng này): 01 bản sao;
  - 6) Các chứng từ liên quan của hàng hóa (theo quy định tại Điều 3.2 của Hợp đồng này);
  - 7) Hợp đồng: 01 Bản gốc;
- 8.2. Bên A chỉ thanh toán cho Bên B theo giá trị đã thực hiện có tính đến sự phù hợp với các quy định của Hợp đồng này và các văn bản thỏa thuận khác liên quan đến Hợp đồng do cấp có thẩm quyền của hai Bên ký duyệt.
- 8.3. Thông tin về tài khoản thanh toán của Bên B được ghi ở trang đầu của Hợp đồng là duy nhất và được áp dụng trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên A không thanh toán vào bất kỳ tài khoản nào khác khi chưa có ý kiến bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật của Bên B .
- 8.4. Phí chuyển tiền do Bên chuyển tiền chịu.

## **ĐIỀU 9: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**



- 10.1 Trong vòng 05 ngày làm việc sau ngày ký Hợp đồng (ghi tại trang 01 của Hợp đồng), Bên B phải nộp Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng (theo mẫu tại Phụ lục số 02 của Hợp đồng này) được cấp bởi Ngân hàng có uy tín và được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng là: .... VNĐ (Bằng chữ: .....). {mức 8% tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế phí}.  
Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng bằng thời gian giao hàng theo quy định tại Điều 4.1 cộng thêm 60 ngày lịch.
- 10.2 Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng do Bên B chịu.
- 10.3 Trong thời gian quy định tại Điều 9.1 nêu trên, Bên B phải nộp bản gốc Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A. Nếu sau thời hạn quy định tại Điều 9.1 nêu trên, Bên A không nhận được Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng thì Bên A có toàn quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ chi phí nào liên quan và thu hồi số tiền bảo đảm dự thầu của Bên B hoặc áp dụng quy định tại Điều 6.9 của Hợp đồng này.
- 10.4 Bên B không được nhận lại giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối hoặc không thực hiện Hợp đồng sau khi ký Hợp đồng.
- 10.5 Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm thực hiện Hợp đồng được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.
- 10.6 Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng thực hiện sửa đổi Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Giấy bảo đảm này vì lý do chậm giao hàng hoặc gia hạn thời hạn giao hàng, đồng thời gửi ngay cho Bên A Giấy bảo đảm đã gia hạn hiệu lực này. Trường hợp Bên B chậm gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu bằng văn bản của Bên A thì Bên B phải chịu phạt 0,2% giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho mỗi ngày chậm. Tổng giá trị phạt không vượt quá 08% giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

## **ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG**

- 10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, bão, lốc xoáy, động đất, sóng thần), hỏa hoạn, dịch bệnh (Epidemic, Pandemic) được WHO/Quốc gia công bố, lệnh phong tỏa Vùng/Quốc gia do Chính quyền sở tại áp đặt.
- 10.2. Bên gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải ngay lập tức thông báo cho Bên kia biết, bao gồm cung cấp thông tin, giải trình về sự ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng đến việc vi phạm thực hiện Hợp đồng kèm chứng cứ để chứng minh, nêu rõ các biện pháp đã được thực hiện để khắc phục vấn đề và giảm thiểu tổn thất. Việc chậm thông báo, cung cấp thông tin và giải trình nếu trễ hơn 14 ngày lịch sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra sẽ làm cho Bên gặp sự kiện bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 10.3. Văn bản xác nhận của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 10.4. Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào xảy ra, ngăn cản một Bên thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo Hợp đồng này thì thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.
- 10.5. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi Bên bằng thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại, đều có quyền chấm dứt Hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho Bên kia.
- 10.6. Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công, đình công... không được coi là sự kiện bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ giao hàng hoặc giao hàng muộn; Các thông tin từ trang báo, mạng và các phương tiện truyền thông khác chỉ mang tính chất



tham khảo.

## **ĐIỀU 11: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 11.1. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai Bên trên tinh thần hợp tác, hai Bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau. Thời gian để hai Bên tiến hành thương lượng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp giữa hai Bên.
- 11.2. Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (“VIAC”) tại Thành phố Hồ Chí Minh để phân xử theo Quy tắc tố tụng của Trung tâm này. Phán quyết của Trung tâm trọng tài là cuối cùng và buộc hai Bên phải tuân thủ. Mọi chi phí liên quan đến tranh chấp này sẽ do Bên thua kiện gánh chịu.

## **ĐIỀU 12: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 12.1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai Bên. Mọi giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng được các Bên thực hiện bằng văn bản và gửi theo cách thức như sau:
- Theo đường bưu chính hoặc Fax: Theo thông tin của các Bên được ghi tại trang đầu của Hợp đồng này, và
  - Theo thư điện tử (email): huend.pt@vietsov.com.vn (thư ký, văn thư), tampv.pt@vietsov.com.vn ; khanhnq.pt@vietsov.com.vn
- 12.2. Những điều không quy định hoặc quy định không đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ căn cứ vào luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 12.3. Không Bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.
- 12.4. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trường hợp xảy ra tranh chấp thì các văn bản dẫn chiếu được xem xét theo thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:
- 1) Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng;
  - 2) Thư chấp thuận hồ sơ báo giá và trao Hợp đồng;
  - 3) Báo cáo phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
  - 4) Hồ sơ báo giá của Nhà thầu;
  - 5) Bản yêu cầu báo giá của bên mời thầu;
  - 6) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).
- 12.5. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký ghi ở trang 1 cho đến khi hai Bên thực hiện hết các trách nhiệm của mình theo quy định của Hợp đồng.
- 12.6. Hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai Bên không có khiếu nại gì coi như Hợp đồng đã được thanh lý.
- 12.7. Hợp đồng gồm ... trang đã bao gồm 03 Phụ lục được lập thành 03 bản bằng tiếng Việt (có sử dụng tiếng Anh mô tả hàng hóa tại Điều 1), các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản.
- Danh sách các Phụ lục đính kèm:
  - + Phụ lục số 01: Mẫu Biên bản giao nhận hàng;
  - + Phụ lục số 02: Mẫu Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng;
  - + Phụ lục số 03: Thông báo giao hàng.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
*GIÁM ĐỐC XNKT*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
*GIÁM ĐỐC CÔNG TY*



**PHỤ LỤC SỐ 01**

(Mẫu này do Bên A (Phòng Vật tư) lập theo quy định)

**XÍ NGHIỆP KHAI THÁC DẦU KHÍ**

**“PHÊ DUYỆT”**

**Lãnh đạo XNK**

Ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_

**MẪU BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

Ngày: ... / ... / .....<sup>(1)</sup>

Căn cứ Hợp đồng số: ..... ký ngày .../.../20..

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây gồm:

**1. Đại diện Bên giao: Công ty .....**

- Ông/ bà: ..... Chức vụ: .....

**2. Đại diện Bên nhận: XN Khai thác Dầu khí**

- Ông/ bà: ..... Chức vụ: ....

- ..... Chức vụ: .....

Cùng nhau tiến hành kiểm tra và giao nhận hàng hóa sau đây tại kho của XNK:

STT П/П	Tên hàng, Ký hiệu, Quy cách Наименование. Марка товаров	ĐVT ЕД	Thực nhập Фак. Получение		Bao bì Тара	Chất lượng hàng Качество
			Số lượng Кол	Trọng lượng Вес		

**Chứng từ phù hợp kèm theo hàng hóa:**

1) Chứng chỉ ..... : Bản ...

2) .....

Biên bản này được lập thành 02 bản chính, mỗi Bên giữ 01 bản và chỉ có giá trị làm thủ tục thanh toán sau khi được lãnh đạo XNK phê duyệt.

**Đại diện Bên giao**

(Ký xác nhận ghi rõ họ tên)

**Đại diện Bên nhận**

(Ký xác nhận ghi rõ họ tên)



**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

*Ngày tháng năm*

Kính gửi: **Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro**

Liên quan tới Hợp đồng số \_\_\_\_\_ về việc \_\_\_\_\_ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, \_\_\_\_\_ có trụ sở chính tại \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho Bên thụ hưởng với số tiền là \_\_\_\_\_ (Bằng chữ: \_\_\_\_\_) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến \_\_\_\_\_ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết **không hủy ngang và vô điều kiện** thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì Bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản bằng tiếng Việt và không được phép chuyển nhượng. Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt là căn cứ pháp lý.

**NGÂN HÀNG BẢO LÃNH**

*(Ký tên và đóng dấu)*

*Lưu ý: Thư bảo đảm phải được lập đúng theo mẫu nêu trên và do người đại diện có thẩm quyền ký, trong trường hợp ủy quyền phải kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ.*



**PHỤ LỤC SỐ 03**  
**THÔNG BÁO GIAO HÀNG (MẪU)**

*Hợp đồng số ..... ký ngày ...../...../..... v/v cung cấp “.....”*

**Tên công ty .....**

Số công văn:.....

Ngày: ...../...../.....

*V/v: Thông báo giao hàng và chứng từ Hợp đồng số ..... ký ngày ...../...../.....*

**Kính gửi: Xí nghiệp Khai thác Dầu khí thuộc Liên doanh Việt -Nga Vietsovpetro**

Địa chỉ: Số 15-17 Lê Quang Định, phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu

Điện thoại: 0254-3839871/2 / Fax: 0254 3857499

Liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng số ..... ký ngày ...../...../..... v/v cung cấp “.....”, bằng văn bản này, chúng tôi xin thông báo giao hàng đến Quý Xí Nghiệp cho Hợp đồng nêu trên, thông tin cụ thể như sau:

- Thời hạn giao hàng và chứng từ: Vào lúc ... giờ, ... phút, ngày ...../...../.....
- Địa điểm giao hàng: Kho XNKT số 17 Lê Quang Định, phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu
- Loại hàng hoá giao, bao gồm số lượng, khối lượng và giá trị, chi tiết như bảng sau:

Số TT	Danh mục hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật, nhà sản xuất, xuất xứ	ĐVT	SL	Trọng lượng	Ghi chú
..	.....	...	...	...	...
..	.....	...	...	...	...

*(Hợp đồng có nhiều có hạng mục hàng hóa thì dẫn Phụ lục 1 kèm theo công văn)*

- Những hướng dẫn đặc biệt cần lưu ý khi bốc dỡ: .....
- Các chứng chỉ, tài liệu kèm theo khi giao hàng:

1) *Chứng chỉ* .....: Bản ...

2) .....

Nhân viên phụ trách giao hàng và ký các biên bản giao nhận của chúng tôi là: Ông/ bà ....., chức vụ: ....., số điện thoại: .....

Kính mong Quý Xí Nghiệp bố trí phương tiện và nhân sự hỗ trợ và hướng dẫn để chúng tôi hoàn thành việc giao hàng.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày ...../...../.....

**Giám đốc Công ty**

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



## Chương IV

# PHẠM VI CUNG CẤP, YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT CỦA GÓI THẦU

V/v: *Cung cấp “Vật tư Tự động hóa cho FPSO Armada TGT1 MSR: 5298”*

(Số hiệu gói thầu: *DVN-VT-0878/25-KT-DA-TTH*)

1. Danh mục hàng hóa (bao gồm 01 trang);
2. Yêu cầu kỹ thuật (bao gồm 02 trang);
3. Tiêu chí đánh giá kỹ thuật (bao gồm 02 trang).

Signed by: Phạm Văn Tâm  
Date: 27/03/2025 10:04:23  
Certified by: Vietsovetro CA

Signed by: NGUYỄN QUỐC  
KHÁNH  
Date: 27/03/2025 14:06:22  
Certified by: Vietsovetro CA





## DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Vật tư Tự động hóa cho FPSO Armada TGT1 MSR: 5298

Số ĐHXN - № заявки: DN.XNKT-0383/25

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>I. VẬT TƯ THIẾT BỊ</b>					
1	00.019.029.00248	Máy đo khí cầm tay GX-9000		set	1,00
<b>II. DỊCH VỤ</b>					

(\*) : New items



# YÊU CẦU KỸ THUẬT

## TECHNICAL REQUIREMENTS

- **Vật tư Tự động hóa cho FPSO Armada TGT1 MSR: 5298**  
- **Instrument spare part for FPSO Armada TGT1 MSR: 5298**

### 1. MỤC ĐÍCH - PURPOSE:

Nhằm cung cấp - Vật tư Tự động hóa cho FPSO Armada TGT1 MSR: 5298  
*To provide job/service: - Instrument spare part for FPSO Armada TGT1 MSR: 5298*

### 2. CÁC YÊU CẦU CHUNG - GENERAL REQUIREMENTS:

- 2.1 Thời hạn bảo hành vật tư: Nhà thầu cam kết bảo hành 12 tháng từ ngày ký biên bản giao nhận hàng hóa.  
*Warranty: Contractor shall perform warranty for the goods 12 months from the date of signing Goods delivery acceptance protocol*
- 2.2 Thời hạn cấp hàng: trong vòng 14 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.  
*Delivery time: within 14 days from the date of signing the contract.*

### 3. YÊU CẦU VẬT TƯ VÀ GỬI HÀNG – MATERIAL REQUIREMENT AND SHIPMENTS:

- 3.1 Hình thức mua hàng: trọn gói.  
*Selection method: Lump sum.*
- 3.2 Yêu cầu vật tư – Material requirements:  
Vật tư hàng hóa phải chính hiệu, mới 100% chưa qua sử dụng. Sản xuất không trước năm 2024.  
*All of the Goods must be 100% brand new, unused and manufactured not before 2024.*

Nhà thầu cung cấp các vật tư theo yêu cầu kỹ thuật như sau:

*Bidder shall supply the material as follows:*

STT No.	Tên hàng hoá/ Description	Note
	(Ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật) (P/N, technical specifications)	
1	Multi Gas detector Riken Keiki GX-9000H Model: D2E800R2D0 (50)	

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa chào thầu và yêu cầu kỹ thuật, nhà thầu phải cung cấp thư giải thích của nhà sản xuất/đại diện của nhà sản xuất.

*In case there is any differences between bidder's proposed model/part number & specification and the technical requirement, bidder must submit the explanation letter of the manufacturer/ manufacturer's representative.*

- 3.3 Địa điểm giao hàng, số lần giao hàng: 1 lần tại kho của XNKT. Hàng hóa được kiểm tra trước khi nhập kho.

*Delivery location, shipments: 1 shipment at OGPE's warehouse. The goods shall be inspected before warehousing.*

### 4. YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI HÀNG VÀ TÀI LIỆU KÈM THEO - PACKAGING AND DOCUMENTS REQUIREMENTS:

Phụ tùng được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà chế tạo, nhà cung cấp. Trên hàng hóa cần ghi rõ tên nhà sản xuất/nhãn hiệu thương mại, tiêu chuẩn áp dụng...



*The spare parts should be packaged according to manufacturer's standard, supplier's standard. There must be full display of Manufacturer's name/Trademark, applicable standards... on the package.*

**5. YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT - TECHNICAL DOCUMENTS REQUIREMENTS :**

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật/catalogues (mô tả vật tư và đặc điểm), nêu rõ ký mã hiệu (P/N), model, nhà sản xuất, xuất xứ hàng hóa trong Hồ sơ dự thầu.

*Contractor shall submit the technical documents/catalogues, P/N & model, manufacturer, Origin in Bidding documents with description and technical specification of the Goods listed above.*

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa chào thầu và yêu cầu kỹ thuật, nhà thầu phải cung cấp thư giải thích của nhà sản xuất/đại diện của nhà sản xuất.

*In case there is any differences between bidder's proposed model/part number & specification and the technical requirement, bidder must submit the explanation letter of the manufacturer/ manufacturer's representative.*

**6. CHỨNG CHỈ - CERTIFICATES:**

Nhà thầu cung cấp các chứng chỉ sau:

*Supplier has to provide certificates as follows:*

- Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa (CO) do Phòng thương mại và Công nghiệp của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp: Bản điện tử có code để kiểm tra / Bản sao có xác nhận của đại lý / nhà nhập khẩu. Chứng chỉ Chất lượng (CQ)/ phù hợp (CC) do nhà sản xuất, chi nhánh nhà sản xuất/ nhà phân phối được ủy quyền cấp: Bản sao có xác nhận của đại lý / nhà nhập khẩu, bản điện tử theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

*- Certificate of origin (CO) is issued by the Chamber of Commerce and Industry of the Manufacturer: electronic version can be checked online via the link / Copy version which certified by the agent/importer; Certificate of Quality (CQ)/conformity (CC) is issued by the manufacturer, authorized manufacturer/distributor branch: Copy which certified by the agent/importer, electronic version according to manufacturer standards.*

- Giấy Cam kết bảo hành của nhà cung cấp: bản gốc

*Certificates of Guarantee issued by the Supplier ( Original)*



## TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

Tên hàng hóa/dịch vụ: - Vật tư Tự động hóa cho FPSO Armada TGT1 MSR: 5298

STT	Yêu cầu kỹ thuật	Mục	Mức độ đáp ứng	Đạt Pass	Chấp nhận Accept	Không đạt Fail
1	Thời hạn bảo hành vật tư Warranty	2.1	Nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu kỹ thuật <i>Bidder's proposal is compliance with technical requirement</i>	Đạt Pass		
			Khác <i>Others</i>			Không đạt Fail
2	Thời hạn cấp hàng Delivery time	2.2	Nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu kỹ thuật <i>Bidder's proposal is compliance with technical requirement</i>	Đạt Pass		
			Khác <i>Others</i>			Không đạt Fail
3	Hình thức mua hàng Selection method	3.1	Nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu kỹ thuật <i>Bidder's proposal is compliance with technical requirement</i>	Đạt Pass		
			Khác <i>Others</i>			Không đạt Fail
4	Yêu cầu vật tư Material requirements	3.2	Nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu kỹ thuật <i>Bidder's proposal is compliance with technical requirement</i>	Đạt Pass		
			Khác <i>Others</i>			Không đạt Fail
5	Địa điểm giao hàng, số lần giao hàng Delivery location, shipments	3.3	Nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu kỹ thuật <i>Bidder's proposal is compliance with technical requirement</i>	Đạt Pass		
			Khác <i>Others</i>			Không đạt Fail
6	Yêu cầu về đóng gói hàng và tài liệu kèm theo Packaging and documents requirements	4	Nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu kỹ thuật <i>Bidder's proposal is compliance with technical requirement</i>	Đạt Pass		
			Khác <i>Others</i>			Không đạt Fail

STT	Yêu cầu kỹ thuật	Mục	Mức độ đáp ứng	Đạt <i>Pass</i>	Chấp nhận <i>Accept</i>	Không đạt <i>Fail</i>
7	Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật <i>Technical documents requirements</i>	5	Tài liệu kỹ thuật phù hợp với phần 5 của yêu cầu kỹ thuật. <i>Documentation satisfies the requirements in section 5 of technical requirements.</i>	Đạt <i>Pass</i>		
			Khác <i>Others</i>			Không đạt <i>Fail</i>
8	Chứng chỉ cần thiết <i>Certificates</i>	6	Nhà thầu xác nhận cung cấp tất cả các chứng chỉ hợp lệ phù hợp với phần 6 của yêu cầu kỹ thuật. <i>Bidder confirms to submit upon the delivery all certificates stipulated in section 6 of technical requirements.</i>	Đạt <i>Pass</i>		
			Chào thầu không đáp ứng yêu cầu tại mục 6 của yêu cầu kỹ thuật. <i>Technical proposal does not satisfy the requirements in section 6 of technical requirements</i>			Không đạt <i>Fail</i>
<b>Kết luận</b>			<b>Tất cả các tiêu chí đều đạt</b> <i>All the criteria are Pass</i>	<b>Đạt</b> <i>Pass</i>		
			<b>Không đạt Fail một trong các tiêu chí</b> <i>One of the criteria is Fail</i>	<b>Không đạt</b> <i>Fail</i>		

